

Nội dung: Nhân một số thập phân với một số thập phân Họ và tên: _____

Lớp : 5

Phiếu số: Ngày học:

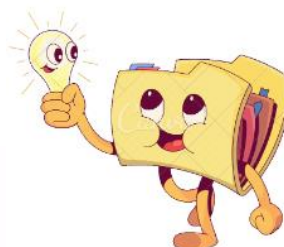
Kiến thức cần nhớ

1. Nhân số thập phân với số thập phân:

VD: $0,24 \times 4,7$

$$\begin{array}{r} \times 0,24 \\ 4,7 \\ \hline 168 \\ 96 \\ \hline 1,128 \end{array}$$

Có 3 chữ số



Thực hiện phép nhân như phép nhân các số tự nhiên

2. Nhân số thập phân với 0,1; 0,01; ...

- Ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba... chữ số.

$62,4 \times 0,1 = \dots\dots\dots$

$26,8 \times 0,01 = \dots\dots\dots$

$26,8 \times 0,001 = \dots\dots\dots$

$34 \times 0,1 = \dots\dots\dots$

$19 \times 0,01 = \dots\dots\dots$

$85 \times 0,001 = \dots\dots\dots$

$0,1 \times 0,1 = \dots\dots\dots$

$0,01 \times 0,01 = \dots\dots\dots$

$0,02 \times 0,001 = \dots\dots\dots$

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a) $24,02 \times 1,6$

b) $0,56 \times 2,3$

c) $16,58 \times 2,5$

d) $9,82 \times 1,9$

KIOMATH

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $51,57 \times 0,1 = 5,157$ ☐

b) $7,053 \times 0,01 = 0,7053$ ☐

c) $6,008 \times 0,01 = 60,08$ ☐

d) $159,2 \times 0,001 = 0,1592$ ☐

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $45,06 \times 2,5 \times 0,8 \times 0,04 \times 0,125$

.....

.....

b) $123,8 \times 0,05 \times 8 \times 20 \times 0,125$

.....

.....

c) $37,5 \times 5,15 - 37,5 \times 5,14$

.....

.....

d) $68,05 \times 0,089 + 68,05 \times 0,011$

.....

.....

Bài 4: Một hình chữ nhật có chiều dài là 23,5cm và hơn chiều rộng là 3,3cm. Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật đó.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$1,2 \text{ dm} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{m}$

$20 \text{ tạ} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{tấn}$

$3,4 \text{ cm} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{m}$

$1,3 \text{ tạ} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{tấn}$

$5,6 \text{ mm} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{m}$

$350 \text{ kg} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{tạ}$

$120 \text{ dm}^2 \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$345 \text{ ha} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{km}^2$

$24 \text{ dm}^2 \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$34,5 \text{ ha} \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \text{km}^2$

Bài 6: Điền dấu thích hợp vào ô trống:

$1,7 \times 10 \dots\dots\dots 1,6 \times 11$

$3,57 \times 100 \dots\dots\dots 35,7 \times 10$

$2,012 \times 1000 \dots\dots\dots 201,2 \times 10$

$12,35 \times 100 \dots\dots\dots 12,35 \times 99 + 12$

Bài 7: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) $3\text{hm} = \dots\dots\dots\text{km}$

f) $6\text{kg } 5\text{hg} = \dots\dots\dots\text{kg}$

b) $18\text{dam}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

g) $3 \text{ tạ } 7 \text{ yến} = \dots\dots\dots\text{tạ}$

c) $4\text{hm}^2 \text{ } 7\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{hm}^2$

h) $19\text{dag } 8\text{g} = \dots\dots\dots\text{dag}$

d) $62\text{km}^2 \text{ } 7\text{hm}^2 = \dots\dots\dots\text{km}^2$

i) $25\text{m } 13\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$

e) $5 \text{ tấn } 4 \text{ yến} = \dots\dots\dots\text{tấn}$

j) $345\text{mm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

Bài 8: Tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 90. Số trừ hơn hiệu 9 đơn vị. Tìm số bị trừ và số trừ.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 10: Một vòi chảy vào bể trung bình mỗi phút chảy được $27,5\text{l}$ nước. Hỏi trong $\frac{3}{5}$ giờ vòi đó chảy được bao nhiêu lít nước?

.....

.....

Bài 11: Cô Hòa mua 4 kg cải bắp hết 36 000 đồng. Cô Bình có 150 000 đồng, cô mua 2,5 kg cải bắp cùng loại đó. Hỏi cô Bình có còn đủ tiền để mua 1 kg thịt lợn giá 130 000 đồng hay không?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 13,7m; chiều dài hơn chiều rộng 4,5m. Tính diện tích của thửa ruộng đó.

.....

.....

.....

.....

.....



KIOMATH

NHIỆM VỤ VỀ NHÀ CỦA CON**Bài 1:** Đặt tính rồi tính:

$24,7 \times 3,6$

$16,28 \times 4,5$

$16,9 \times 0,24$

$0,15 \times 2,71$

.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $15,36\text{hm} = \dots\dots\dots\text{km}$

b) $27,05\text{dm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

c) $36,7\text{m} = \dots\dots\dots\text{hm}$

d) $5,8\text{dam} = \dots\dots\dots\text{m}$

Bài 3: Một mảnh đất hình vuông có độ dài cạnh là 9,6m. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh hình vuông và chiều dài là 15m. Tính tổng diện tích của hai mảnh đất đó.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

KIOMATH